



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 09 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng
quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: Khoa xét nghiệm – Phòng khám đa khoa trực thuộc Công ty
cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế TOMECC

Medical Laboratory: Laboratory Department - TOMECC General Clinic TOMECC
International General Hospital Joint Stock Company

Cơ quan chủ quản: Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế TOMECC

Organization: TOMECC International General hospital Joint Stock Company

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh

Field of medical testing: Biochemistry, Hematology, Microbiology

Người phụ trách/ Representative: Vương Thị Trường
Vuong Thi Truong

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: ISO 15189: 2022

Số hiệu/ Code: VILAS Med 247

Hiệu lực/ Validation: Từ ngày / /2026 đến ngày / /2031

Địa chỉ/ Address : 38 Lê Văn Hưu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
38 Le Van Huu Street, Cua Nam Ward, Hanoi City

Địa điểm/Location : 38 Lê Văn Hưu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
38 Le Van Huu Street, Cua Nam Ward, Hanoi City

Điện thoại/ Tel: 1900 886 886

Email: khoaxetnghiem@tomec.vn

Website: www.tomec.vn

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 247

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Huyết tương (Li- Heparin), huyết thanh <i>Plasma (Li- Heparin), Serum</i>	Đo hoạt độ AST <i>Measurement of AST activity</i>	Động học enzym <i>Enzyme kinetics</i>	TM.QTXN.HS.63 (2026) (Cobas C502)
2.		Đo hoạt độ ALT <i>Measurement of ALT activity</i>	Động học enzym <i>Enzyme kinetics</i>	TM.QTXN.HS.64 (2026) (Cobas C502)
3.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglyceride</i>	Đo màu sử dụng men. <i>Enzymatic colorimetric</i>	TM.QTXN.HS.66 (2026) (Cobas C502)
4.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>	Đo màu động học <i>Kinetic colorimetric assay</i>	TM.QTXN.HS.67 (2026) (Cobas C502)
5.	Huyết tương (Li- Heparin/ NaF) <i>Plasma (Li-Heparin/ NaF)</i>	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Đo quang <i>Photometric</i>	TM.QTXN.HS.65 (2026) (Cobas C502)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 247

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học

Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA) <i>Whole blood (EDTA)</i>	Đếm số lượng Hồng cầu <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Nguyên lý đo trở kháng <i>The principle of measuring impedance</i>	TM.QTXN.HH.01 (2026) (DXH 900)
2.		Đếm số lượng Bạch cầu <i>White blood cell count (WBC)</i>	Nguyên lý đo trở kháng <i>The principle of measuring impedance</i>	TM.QTXN.HH.02 (2026) (DXH 900)
3.		Đếm số lượng Tiểu cầu <i>Platelet count test (PLT)</i>	Nguyên lý đo trở kháng <i>The principle of measuring impedance</i>	TM.QTXN.HH.03 (2026) (DXH 900)
4.		Định lượng Huyết sắc tố <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Nguyên lý đo quang <i>Principle Spectrophotometry</i>	TM.QTXN.HH.04 (2026) (DXH 900)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS***VILAS Med 247****Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh****Discipline of medical testing: Microbiology**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Huyết tương(Li-Heparin), huyết thanh Plasma (Li-Heparin), Serum	Định tính HBsAg <i>Qualitative of HBsAg</i>	Miễn dịch điện hóa phát quang <i>Electrochemiluminescence immunoassay (ECLIA)</i>	TM.QTXN.VS.13 (2026) (Cobas E801)

Ghi chú/ Note:

- TM.QTXN...: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa xét nghiệm – Phòng khám đa khoa trực thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế TOMEK cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Laboratory Department - TOMEK General Clinic TOMEK International General Hospital Joint Stock Company that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

